

Trực Ninh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
ỨNG DỤNG CNTT, CDS VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2025-2026**

*(Kèm theo công văn số 1921 /SGDDĐT-CTHSSV ngày 01 tháng 06 năm 2026
của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đơn vị báo cáo: Trường MN Trực Thanh
- Cán bộ đầu mối phụ trách: Lê Thị Thúy Cẩm, chức vụ: Phó hiệu trưởng,
số điện thoại: 0949 882 685

**II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG
CNTT, CDS VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026**

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo:

- Nhà trường đã quán triệt và triển khai đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS) và thống kê giáo dục trong năm học 2025-2026.

- Ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026; lồng ghép các nhiệm vụ chuyển đổi số vào kế hoạch năm học và các hoạt động chuyên môn của nhà trường.

- Thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số; phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ về vai trò, ý nghĩa của chuyển đổi số trong giáo dục; khuyến khích ứng dụng CNTT trong quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

- Nhà trường đã cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo bằng các kế hoạch, quy chế và hướng dẫn thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị; tổ chức triển khai nghiêm túc các nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng tiến độ và yêu cầu đề ra.

2. Chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị và thống kê giáo dục

- Triển khai cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành

Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc cập nhật, quản lý và khai thác dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Thông tin về trẻ, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và các dữ liệu liên quan được cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác trên hệ thống CSDL ngành; thường xuyên rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa dữ liệu nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các phần mềm quản lý đang sử dụng.

Nhà trường phân công cán bộ phụ trách thực hiện công tác quản lý dữ liệu, đảm bảo việc cập nhật dữ liệu định kỳ và theo các đợt rà soát của cấp trên; thực hiện chế độ báo cáo, thống kê trực tuyến đúng thời gian quy định.

Việc khai thác cơ sở dữ liệu ngành đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, giảm hồ sơ giấy, hỗ trợ công tác thống kê, tổng hợp số liệu nhanh chóng, chính xác, phục vụ công tác quản lý giáo dục và xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường.

- Triển khai phần mềm quản lý trường học (mầm non, phổ thông, GDTX, GDNN) Nhà trường đã triển khai và sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý trường học phục vụ công tác quản lý, điều hành và thống kê giáo dục, gồm: phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (CSDL ngành), phần mềm VNEDU và phần mềm kế toán MISA.

Thông qua các phần mềm trên, nhà trường thực hiện quản lý hồ sơ trẻ, hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên; cập nhật thông tin phổ cập giáo dục; quản lý chuyên môn, công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; quản lý tài chính, tài sản và các hoạt động khác của đơn vị.

100% cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được hướng dẫn sử dụng các phần mềm theo nhiệm vụ được phân công; thực hiện cập nhật dữ liệu thường xuyên, bảo đảm đầy đủ, chính xác và đúng thời gian quy định. Dữ liệu trên các hệ thống được rà soát, đối chiếu định kỳ nhằm nâng cao chất lượng thông tin và phục vụ hiệu quả công tác quản lý.

Việc ứng dụng các phần mềm quản lý đã góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số trong nhà trường, nâng cao hiệu quả quản trị, giảm hồ sơ giấy, tiết kiệm thời gian xử lý công việc, tăng cường khả năng tổng hợp số liệu, thống kê, báo cáo và trao đổi thông tin giữa nhà trường với cơ quan quản lý giáo dục và phụ huynh học sinh.

- Triển khai Dịch vụ công trực tuyến

Nhà trường đã tích cực triển khai và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến theo chỉ đạo của các cấp quản lý giáo dục và chính quyền địa phương. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện nộp hồ sơ, báo cáo, văn bản và giải quyết các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giáo dục thông qua môi trường mạng, góp phần nâng cao hiệu quả công việc, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

Nhà trường thực hiện tiếp nhận, xử lý và trao đổi văn bản điện tử trên các hệ thống quản lý văn bản; tăng cường sử dụng chữ ký số trong hoạt động quản lý, điều hành theo quy định. Các thủ tục hành chính được thực hiện trên môi trường số bảo đảm công khai, minh bạch, thuận tiện cho tổ chức, cá nhân và cơ quan quản lý.

Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến đã góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ, từng bước hình thành môi trường làm việc số trong nhà trường, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của ngành Giáo dục.

- Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt

Nhà trường đã triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt theo chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của ngành Giáo dục. Phối hợp với các ngân hàng và đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán để tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh thực hiện các khoản đóng góp, học phí và các khoản thu khác bằng hình thức chuyển khoản, thanh toán điện tử thông qua tài khoản ngân hàng, mã QR và các ứng dụng thanh toán số.

Nhà trường thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh sử dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; công khai đầy đủ các khoản thu, thông tin tài khoản và quy trình thanh toán nhằm đảm bảo thuận tiện, minh bạch và an toàn trong quá trình thực hiện.

Việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đã góp phần giảm giao dịch bằng tiền mặt, tiết kiệm thời gian cho phụ huynh và nhà trường, nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong các hoạt động thu, chi của đơn vị; đồng thời thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục theo lộ trình của ngành.

- Triển khai học bạ số

Đối với giáo dục mầm non, nhà trường chưa thực hiện học bạ số theo quy định hiện hành. Tuy nhiên, nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ trẻ, kết quả theo dõi sự phát triển của trẻ và các thông tin liên quan trên các phần mềm quản lý giáo dục. Các dữ liệu được cập nhật thường xuyên, lưu trữ và khai thác hiệu quả, góp phần giảm hồ sơ giấy, nâng cao chất lượng công tác quản lý và theo dõi quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

- Triển khai văn bằng số

Giáo dục mầm non không thuộc đối tượng cấp văn bằng theo quy định hiện hành, do đó nhà trường không thực hiện triển khai văn bằng số. Tuy nhiên, nhà trường thực hiện quản lý, lưu trữ hồ sơ điện tử, các loại giấy tờ, báo cáo và dữ liệu liên quan trên môi trường số theo quy định; từng bước nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu phục vụ công tác quản trị nhà trường.

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân

Nhà trường quan tâm triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của ngành Giáo dục. Thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về trách nhiệm bảo vệ thông tin, dữ liệu trong quá trình sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin.

Thực hiện quản lý chặt chẽ tài khoản truy cập các phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu ngành và các hệ thống dùng chung; yêu cầu cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng mật khẩu an toàn, thay đổi mật khẩu định kỳ, không chia sẻ tài khoản cho người khác. Các thiết bị máy tính được cài đặt phần mềm diệt vi-rút, thường xuyên cập nhật hệ điều hành và các phần mềm ứng dụng nhằm hạn chế nguy cơ mất an toàn thông tin.

Nhà trường thực hiện quản lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu trẻ em, cán bộ, giáo viên, nhân viên đúng quy định; không cung cấp, chia sẻ thông tin cá nhân khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền hoặc chủ thể dữ liệu theo quy định hiện hành. Đồng thời, thường xuyên sao lưu dữ liệu quan trọng để phòng ngừa rủi ro mất mát dữ liệu và bảo đảm hoạt động của nhà trường được thông suốt.

Trong năm học 2025-2026, nhà trường không để xảy ra vụ việc mất an toàn thông tin, lộ lọt dữ liệu cá nhân hoặc sự cố an ninh mạng nghiêm trọng.

3. Chuyển đổi số trong công tác dạy và học

3.1. Phát triển, sử dụng học liệu số

Nhà trường khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; tích cực xây dựng, khai thác và sử dụng học liệu số phục vụ công tác giảng dạy.

Giáo viên chủ động thiết kế bài giảng điện tử, video, hình ảnh, trò chơi học tập, tư liệu trực quan và các học liệu số phù hợp với độ tuổi của trẻ, góp phần làm phong phú nội dung giáo dục, nâng cao hứng thú và hiệu quả tham gia các hoạt động của trẻ. Các học liệu được lưu trữ, chia sẻ và sử dụng trong sinh hoạt chuyên môn, hỗ trợ giáo viên trao đổi kinh nghiệm và nâng cao chất lượng giáo dục.

Nhà trường khai thác hiệu quả các nguồn học liệu số do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo cung cấp; đồng thời khuyến khích giáo viên sử dụng các phần mềm, ứng dụng và nguồn tài nguyên giáo dục số phù hợp để hỗ trợ công tác chuyên môn.

Việc phát triển và sử dụng học liệu số đã góp phần đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

3.2. Triển khai Thư viện số / thư viện điện tử

Nhà trường từng bước triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và khai thác tài liệu phục vụ hoạt động giáo dục. Các tài liệu chuyên môn, văn bản chỉ đạo, sáng kiến kinh nghiệm, bài giảng điện tử, video, hình ảnh và học liệu số được lưu trữ, sắp xếp khoa học trên các thiết bị lưu trữ và nền tảng số để cán bộ quản lý, giáo viên thuận tiện trong việc tra cứu, khai thác và sử dụng.

Nhà trường khuyến khích giáo viên chia sẻ tài nguyên giáo dục số, học liệu điện tử, bài giảng và các sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin trong sinh hoạt chuyên môn; đồng thời khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên số, thư viện học liệu điện tử do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo cung cấp.

Đối với giáo dục mầm non, nhà trường đã xây dựng kho học liệu số dùng chung phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; tạo điều kiện để giáo viên tiếp cận, sử dụng tài liệu điện tử phục vụ nghiên cứu, bồi dưỡng chuyên môn và đổi mới phương pháp giáo dục.

Việc triển khai thư viện số, thư viện điện tử đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác tài nguyên giáo dục, hỗ trợ giáo viên trong công tác chuyên môn và thúc đẩy chuyển đổi số trong nhà trường.

3.3. Tập huấn, phát triển năng lực số

Nhà trường quan tâm triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục. Trong năm học 2025-2026, nhà trường đã cử cán bộ, giáo viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo

tổ chức về ứng dụng CNTT, khai thác phần mềm quản lý trường học, sử dụng cơ sở dữ liệu ngành và các nền tảng dạy học số.

Bên cạnh đó, nhà trường tổ chức sinh hoạt chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm nội bộ về ứng dụng CNTT trong giảng dạy, xây dựng học liệu số, thiết kế bài giảng điện tử và sử dụng các phần mềm hỗ trợ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Giáo viên tích cực tự học, tự bồi dưỡng thông qua các khóa học trực tuyến và tài nguyên số.

Công tác tập huấn và phát triển năng lực số đã góp phần nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, từng bước hình thành môi trường giáo dục số trong nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

3.4. Dạy học trực tuyến, ứng dụng AI trong tổ chức hoạt động giáo dục

Đối với giáo dục mầm non, nhà trường không tổ chức dạy học trực tuyến theo hình thức chính khóa. Tuy nhiên, trong một số tình huống cần thiết (thời tiết bất thường, dịch bệnh hoặc hỗ trợ phụ huynh), giáo viên có thể sử dụng các nền tảng trực tuyến để trao đổi thông tin, hướng dẫn phụ huynh chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tại nhà và chia sẻ một số hoạt động giáo dục phù hợp với lứa tuổi.

Nhà trường khuyến khích giáo viên bước đầu tiếp cận và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác chuyên môn như: hỗ trợ thiết kế kế hoạch giáo dục, xây dựng ý tưởng hoạt động, tạo học liệu số, hình ảnh minh họa và video phục vụ giảng dạy. Việc sử dụng AI được thực hiện ở mức độ hỗ trợ, có chọn lọc, đảm bảo phù hợp với đặc thù giáo dục mầm non và tuân thủ quy định về an toàn thông tin, dữ liệu cá nhân.

Nhà trường định hướng tăng cường ứng dụng công nghệ số trong kết nối với phụ huynh, chia sẻ hoạt động của trẻ và hỗ trợ công tác chăm sóc, giáo dục, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa gia đình và nhà trường.

Việc từng bước ứng dụng các hình thức trực tuyến và công nghệ mới đã góp phần hỗ trợ đổi mới phương pháp giáo dục, nâng cao hiệu quả chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trong bối cảnh chuyển đổi số.

3.5. Các nội dung khác (nếu có)

4. Triển khai phong trào Bình dân học vụ số (theo kế hoạch 05/KH-SGDĐT ngày 24/7/2025)

Nhà trường nghiêm túc triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” theo Kế hoạch số 05/KH-SGDĐT ngày 24/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo, gắn với nhiệm vụ chuyển đổi số trong ngành giáo dục và nhiệm vụ năm học 2025-2026.

Nhà trường đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến mục đích, ý nghĩa của phong trào đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhằm nâng cao nhận thức về vai trò của kỹ năng số trong công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Khuyến khích đội ngũ tích cực học tập, tự bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, khai thác các phần mềm quản lý, nền tảng số và học liệu trực tuyến.

Lồng ghép nội dung “bình dân học vụ số” trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, tập huấn nội bộ, chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng CNTT; từng bước hỗ trợ giáo viên tiếp cận và sử dụng hiệu quả các công cụ số phục vụ công việc.

Phong trào được triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của giáo dục mầm non, góp phần nâng cao năng lực số cho đội ngũ, thúc đẩy chuyển đổi số trong nhà trường, hướng tới xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, hiệu quả và thân thiện.

5. Công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện chế độ báo cáo

Nhà trường tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục trong toàn đơn vị. Ban giám hiệu thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện của cán bộ, giáo viên, nhân viên; kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh những hạn chế trong quá trình sử dụng các phần mềm quản lý và cập nhật dữ liệu.

Công tác kiểm tra được thực hiện lồng ghép trong các hoạt động chuyên môn, sinh hoạt tổ, khối và các đợt kiểm tra nội bộ của nhà trường; tập trung vào việc cập nhật dữ liệu trên CSDL ngành, sử dụng phần mềm quản lý trường học, thực hiện hồ sơ điện tử và ứng dụng CNTT trong dạy học.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo; đảm bảo số liệu thống kê đầy đủ, chính xác, kịp thời và đồng bộ giữa các hệ thống quản lý.

Việc tăng cường kiểm tra, giám sát và thực hiện chế độ báo cáo đã góp phần nâng cao tính kỷ luật, hiệu quả trong triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số, đảm bảo các hoạt động được thực hiện đúng tiến độ và yêu cầu của cấp trên.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU

STT	Nội dung nhiệm vụ/Chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Ghi chú/ Khó khăn
1	Chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá			
1.1	Cơ sở giáo dục (CSGD) khai thác phần mềm quản lý học tập	Có/Không	Không	Giáo dục mầm non không triển khai LMS chính khóa; chủ yếu ứng dụng CNTT

	(LMS) trong hoạt động dạy học trực tuyến, theo dõi và phân tích quá trình học tập của người học			trong quản lý và phối hợp với phụ huynh.
1.2	Số lượng mô hình dạy học tiên tiến (lớp học thông minh, học tập tương tác) đã triển khai	Mô hình		Nhà trường chưa triển khai mô hình lớp học thông minh; bước đầu ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp lứa tuổi mầm non.
1.3	Tỷ lệ giáo viên được tập huấn kỹ năng ứng dụng AI và năng lực số	%	100	100% cán bộ, giáo viên được tham gia tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục.
1.4	Tỷ lệ giáo viên thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính	%	100	100% giáo viên thực hiện cập nhật, theo dõi và tổng hợp đánh giá trẻ trên hệ thống phần mềm/ứng dụng hỗ trợ.
1.5	Số lượng học liệu số dùng chung được xây dựng mới trong năm học 2025-2026	SL	20	Học liệu số chủ yếu là video, hình ảnh, trò chơi học tập phục vụ hoạt động giáo dục mầm non.
2	Quản trị nhà trường và cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành			
2.1	CSGD triển khai phần mềm quản trị trường học kết nối thông suốt với CSDL ngành	Có/Không	Có	Nhà trường sử dụng CSDL ngành và phần mềm VNEDU, đảm bảo kết nối, đồng bộ dữ liệu theo quy định
2.2	Tỷ lệ người học, nhà giáo được định danh và quản lý bằng hồ sơ số (mục tiêu 100%)	%	100	100% trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên được cập nhật và quản lý trên hệ thống CSDL ngành

2.3	Tỷ lệ cơ sở vật chất, thiết bị được quản lý bằng hồ sơ số (mục tiêu 80%)	%	80	Cơ sở vật chất, thiết bị được cập nhật, theo dõi trên phần mềm quản lý và hồ sơ điện tử, tuy nhiên một số hạng mục nhỏ chưa đồng bộ hoàn toàn
2.4	Kết quả triển khai học bạ số và văn bằng số	Mô tả		<p>Đối với giáo dục mầm non, nhà trường chưa triển khai học bạ số theo quy định hiện hành. Tuy nhiên, nhà trường thực hiện quản lý, theo dõi sự phát triển của trẻ thông qua hồ sơ trẻ, biểu mẫu theo dõi và các phần mềm quản lý trường học, đảm bảo cập nhật đầy đủ, chính xác và có hệ thống.</p> <p>Giáo dục mầm non không thuộc đối tượng cấp văn bằng theo quy định, do đó không triển khai văn bằng số. Nhà trường thực hiện lưu trữ, quản lý hồ sơ điện tử và dữ liệu liên quan trên các hệ thống phần mềm và CSDL ngành, phục vụ công tác quản lý và báo cáo theo quy định.</p>
3	Dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt			
3.1	CSGD triển khai dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học	Có/Không	Có	Nhà trường thực hiện theo hướng dẫn tuyển sinh của cấp trên, hỗ trợ phụ huynh đăng ký trực tuyến khi có yêu cầu.

3.2	CSGD thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt	Có/Không	Có	Phụ huynh thực hiện đóng góp qua chuyển khoản ngân hàng/ứng dụng thanh toán điện tử theo hướng dẫn của nhà trường.
3.3	CSGD triển khai kết nối phần mềm quản lý học phí với Nền tảng thanh toán trực tuyến Cổng DVC quốc gia	Có/Không	Có	Nhà trường thực hiện theo lộ trình và hướng dẫn của Sở GDĐT, đảm bảo đúng quy định.
4	Hạ tầng, nhân lực và an toàn thông tin			
4.1	Số lượng đường truyền có kết nối Internet băng thông rộng	Có/Không	Có	Nhà trường được trang bị đường truyền Internet ổn định, phục vụ công tác quản lý và ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục.
4.2	CSGD đã triển khai giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường	%	100	Thực hiện cài đặt phần mềm diệt virus, quản lý tài khoản, phân quyền truy cập dữ liệu
4.3	Số lượng cuộc tự kiểm tra rà soát an toàn, an ninh thông tin trong năm của đơn vị	Cuộc	5	Thực hiện lồng ghép trong kiểm tra nội bộ và các đợt rà soát định kỳ
4.4	Kết quả triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" tại đơn vị	Mô tả		Nhà trường triển khai phong trào theo Kế hoạch số 05/KH-SGDĐT ngày 24/7/2025; tổ chức tuyên truyền, sinh hoạt chuyên môn, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên nâng cao kỹ năng số, sử dụng phần mềm quản lý và khai thác học liệu số. Phong trào được thực

				hiện nghiêm túc, phù hợp điều kiện thực tế, góp phần nâng cao năng lực số của đội ngũ.
--	--	--	--	--

III. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ

- Đối với CSGD Phổ thông, GDTX

Tổng điểm chuyên đổi số trong dạy, học tự đánh giá: .../100 điểm.

Tổng điểm Chuyển đổi số trong quản trị: .../100 điểm.

Tự xếp loại mức độ chuyên đổi số: ...

- Đối với CSGD Mầm non

Tổng điểm Chuyển đổi số tại đơn vị: 70/100 điểm.

Tự xếp loại mức độ chuyên đổi số: Khá

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ

1. Ưu điểm:

Nhà trường đã nghiêm túc triển khai các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục theo chỉ đạo của cấp trên. Các nội dung trọng tâm như: cập nhật CSDL ngành, sử dụng phần mềm quản lý trường học (VNEDU, MISA, CSDL ngành), triển khai dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và ứng dụng CNTT trong tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ được thực hiện cơ bản đầy đủ.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có ý thức tích cực trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước nâng cao kỹ năng số, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý và chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

2. Tồn tại, hạn chế:

Hạ tầng công nghệ thông tin của nhà trường còn hạn chế, một số thiết bị chưa đồng bộ, tốc độ đường truyền chưa ổn định.

Một bộ phận giáo viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin còn chưa đồng đều, việc khai thác một số phần mềm còn lúng túng.

Kinh phí đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển.

3. Kiến nghị:

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về chuyển đổi số, đặc biệt là ứng dụng AI và khai thác hiệu quả các phần mềm quản lý giáo dục.

Tăng cường hỗ trợ đầu tư trang thiết bị CNTT, nâng cấp hạ tầng mạng cho các cơ sở giáo dục mầm non.

Tiếp tục hoàn thiện, đồng bộ các phần mềm dùng chung trong ngành, giảm thao tác trùng lặp giữa các hệ thống, tạo thuận lợi cho công tác quản lý và báo cáo dữ liệu.

HIỆU TRƯỞNG

Cao Thị Thuan